

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 908/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước
thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2016/QH14 ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2016 - 2020”;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020 với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

Đẩy nhanh tiến độ thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ gắn với việc đảm bảo nguồn thu cho phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; thúc đẩy quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước để tập trung vào những khâu, công đoạn then chốt của nền kinh tế.

II. NỘI DUNG

1. Ban hành kèm theo Quyết định này các Phụ lục gồm:

- Phụ lục I về Danh mục doanh nghiệp thực hiện thoái vốn và tỷ lệ thoái vốn của doanh nghiệp có vốn nhà nước đến hết năm 2020;
- Phụ lục II về Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện sắp xếp, thoái vốn theo phương án cụ thể;
- Phụ lục III về Danh mục doanh nghiệp dừng thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020 để rà soát, xây dựng phương án sắp xếp, thoái vốn trong giai đoạn 2021-2025.

2. Việc thoái vốn của các doanh nghiệp thuộc: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước; Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội; Công ty trách nhiệm hữu hạn Truyền hình số vệ tinh Việt Nam; Công ty cổ phần Đầu tư Tháp truyền hình Việt Nam và các doanh nghiệp chưa được liệt kê tại Quyết định này thực hiện theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo tiến độ và tỷ lệ đã được phê duyệt tại các doanh nghiệp nêu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này theo đúng quy trình, thủ tục, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra về đề xuất thoái vốn và kết quả thực hiện;

b) Xây dựng phương án sắp xếp, thoái vốn của từng doanh nghiệp liệt kê tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này; trước ngày 31 tháng 7 năm 2020, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

c) Tổ chức thực hiện việc thoái vốn theo lộ trình đã được phê duyệt và chịu trách nhiệm rà soát, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (trong trường hợp chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt) thoái vốn trước ngày 31 tháng 7 năm 2020

đối với những doanh nghiệp có vốn nhà nước chưa được liệt kê tại Quyết định này, đảm bảo tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ theo đúng quy định tại Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 - 2020. Trong giai đoạn đến hết 2020, chưa thực hiện thoái vốn tại các doanh nghiệp cung cấp mặt hàng thiết yếu cho nhân dân, các doanh nghiệp cấp nước địa phương;

d) Kịp thời báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trường hợp không thể thực hiện thoái vốn theo Quyết định này khi điều kiện thị trường không thuận lợi hoặc gặp vướng mắc, khó khăn khách quan;

đ) Nghiêm túc thực hiện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước đối với các doanh nghiệp thuộc diện chuyển giao theo lộ trình được phê duyệt quy định tại Mục III Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này. Sau khi tiếp nhận doanh nghiệp, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm thực hiện thoái vốn theo Quyết định này;

e) Trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 gửi báo cáo về tình hình triển khai thực hiện Quyết định này đến Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp theo dõi, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

2. Bộ Xây dựng:

Chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc tuân thủ pháp luật, công khai, minh bạch trong quá trình thoái vốn, đảm bảo hoàn thành thoái vốn theo lộ trình và tỷ lệ vốn nhà nước cần thoái tại các doanh nghiệp phê duyệt tại Quyết định này.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan tổng kết tình hình thực hiện Quyết định này; xây dựng kế hoạch sắp xếp, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét trong Quý IV năm 2020.

4. Bộ Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các giải pháp bảo đảm nguồn thu từ việc thoái vốn của các doanh nghiệp thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước phù hợp với Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017 – 2020.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước có trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, ĐMDN (2b), Trung Anh 46



Trương Hoà Bình



Phụ lục I
DANH MỤC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN
THOÁI VỐN ĐẾN HẾT NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ để duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020)

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ thoái vốn (%/vốn điều lệ)	Tỷ lệ vốn nhà nước còn lại sau khi thoái vốn (%/vốn điều lệ)
I	Doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020 (120 doanh nghiệp)		
	Bộ Xây dựng - 1 doanh nghiệp		
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty CP	46,88%	51,00%
	Bộ Y tế - 1 doanh nghiệp		
2	Tổng công ty Dược Việt Nam - Công ty CP	29,00%	36,00%
	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - 8 doanh nghiệp		
3	Công ty CP Dịch vụ môi trường và Công trình đô thị Vũng Tàu	29,00%	36,00%
4	Công ty CP công trình giao thông	18,24%	36,00%
5	Công ty CP Dịch vụ đô thị Bà Rịa	40,92%	36,00%
6	Công ty Cao su Thống nhất	15,00%	36,00%
7	Công ty CP Du lịch tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	58,88%	0,00%
8	Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bà Rịa-Vũng Tàu	67,69%	0,00%
9	Công ty CP Dịch vụ đô thị Tân Thành	13,36%	36,00%
10	Công ty CP Dịch vụ và Đầu tư phát triển đô thị huyện Long Điền	30,00%	0,00%
	UBND tỉnh Bắc Giang - 9 doanh nghiệp		
11	Công ty CP Giồng cây trồng	51,31%	0,00%
12	Công ty CP QL công trình đô thị	21,38%	51,00%
13	Công ty CP Giồng chăn nuôi	93,72%	0,00%
14	Công ty CP QL&XD Đường bộ	33,92%	0,00%
15	Công ty CP Sách GK và TB trường học	54,52%	0,00%
16	Công ty CP Hồng Thái	6,33%	0,00%
17	Công ty CP Dược phẩm	6,95%	0,00%
18	Công ty CP TM và DV Hiệp Hòa	28,10%	0,00%
19	Công ty CP Xuất nhập khẩu	5,85%	0,00%
	UBND tỉnh Bắc Ninh - 1 doanh nghiệp		

20	Công ty CP Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Bắc Ninh	27,19%	0,00%
	UBND tỉnh Bình Định – 1 doanh nghiệp		
21	Công ty CP Dược -TTB Y tế Bình Định	13,34%	0,00%
	UBND tỉnh Bình Phước - 1 doanh nghiệp		
22	Công ty CP Xây dựng Bình Phước	98,98%	0,00%
	UBND tỉnh Cao Bằng – 3 doanh nghiệp		
23	Công ty CP In Việt Lập Cao Bằng	61,30%	0,00%
24	Công ty CP Thương mại Tổng hợp Bảo Lạc	44,82%	0,00%
25	Công ty CP Giống và Thức ăn chăn nuôi	84,16%	0,00%
	UBND tỉnh Đắk Nông - 1 doanh nghiệp		
26	Công ty CP quản lý, sửa chữa đường bộ Đắk Nông	91,07%	0,00%
	UBND Thành phố Đà Nẵng – 1 doanh nghiệp		
27	Công ty CP Xuất nhập khẩu Đà Nẵng	41,96%	0,00%
	UBND tỉnh Điện Biên - 5 doanh nghiệp		
28	Công ty CP Đầu tư xây dựng và Quản lý giao thông tỉnh Điện Biên	62,54%	0,00%
29	Công ty CP In Điện Biên	97,35%	0,00%
30	Công ty CP Công trình giao thông tỉnh Điện Biên	37,09%	0,00%
31	Công ty CP Lạc Hồng Điện Biên	84,78%	0,00%
32	Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng tỉnh Điện Biên	62,45%	0,00%
	UBND tỉnh Đồng Nai - 1 doanh nghiệp		
33	Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp (Công ty mẹ)	63,54%	36,00%
	UBND tỉnh Đồng Tháp - 1 doanh nghiệp		
34	Công ty CP Xây lắp và VLXD Đồng Tháp	41,49%	51,00%
	UBND tỉnh Hà Giang - 2 doanh nghiệp		
35	Công ty CP Đường bộ I	34,40%	0,00%
36	Công ty CP Đường bộ II	65,98%	0,00%
	UBND Thành phố Hà Nội – 28 doanh nghiệp		
37	Công ty CP Điện tử Giảng Võ	65,19%	0,00%
38	Công ty CP Địa chính HN	54,20%	0,00%
39	Công ty CP Cơ điện công trình	98,89%	0,00%
40	Công ty CP Giấy Thượng Đình	68,67%	0,00%
41	Công ty CP Kim khí Thăng Long	66,05%	0,00%
42	Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	51,04%	0,00%
43	Công ty CP Bao bì 277 Hà Nội	65,00%	0,00%
44	Công ty TNHH Tập đoàn sản xuất hàng dệt may	19,99%	0,00%
45	Công ty CP Môi trường đô thị Hà Đông	25,49%	0,00%

46	Công ty CP Dệt 19/5 Hà Nội	32,03%	0,00%
47	Công ty Liên doanh Norfolk Hatexco	35,09%	0,00%
48	Công ty CP 18-4 Hà Nội	47,48%	0,00%
49	Công ty CP Sản xuất dịch vụ XNK Từ Liêm	1,17%	0,00%
50	Công ty CP Hanel	97,93%	0,00%
51	Công ty CP Mai Động	30,00%	0,00%
52	Công ty CP Truyền thông Nghe nhìn Hà Nội	9,24%	0,00%
53	Công ty CP Giấy Thụy Khuê	35,34%	0,00%
54	Công ty CP Sách và thiết bị trường học Hà Nội	37,60%	0,00%
55	Công ty CP Đầu tư thương mại và dịch vụ quốc tế	45,00%	0,00%
56	Công ty CP Thống Nhất Hà Nội	45,00%	0,00%
57	Công ty CP Cơ điện Trần Phú	38,88%	0,00%
58	Công ty CP Sách Hà Nội	37,34%	0,00%
59	Công ty CP Xuất nhập khẩu Haneco	97,50%	0,00%
50	Công ty CP Giống gia súc Hà Nội	60,35%	0,00%
61	Công ty CP Khảo sát Đo đạc HCGC Hà Nội	45,00%	0,00%
62	Công ty CP Đầu tư khai thác Hồ Tây	41,72%	0,00%
63	Công ty CP Công trình giao thông Hà Nội	73,85%	0,00%
64	Công ty CP Đồng Xuân	71,00%	0,00%
	UBND tỉnh Hà Tĩnh - 3 doanh nghiệp		
65	Công ty CP Môi trường và công trình đô thị Hà Tĩnh	43,55%	51,00%
66	Công ty CP Môi trường đô thị Hồng Lĩnh	36,00%	0,00%
67	Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - Công ty CP	32,37%	65,00%
	UBND tỉnh Hải Dương - 1 doanh nghiệp		
68	Công ty CP Giống cây trồng Hải Dương	49,00%	0,00%
	UBND Thành phố Hải Phòng - 12 doanh nghiệp		
69	Công ty CP Công trình đô thị Hải Phòng	29,32%	0,00%
70	Công ty CP Du lịch dịch vụ Biển Vàng	3,50%	0,00%
71	Công ty CP Phục vụ mai táng Hải Phòng	64,50%	0,00%
72	Công ty CP Thiết bị công nghệ Tiên Phong	10,42%	0,00%
73	Công ty CP XD và Đầu tư hạ tầng	9,93%	0,00%
74	Công ty CP Thương mại đầu tư và Xây dựng	24,22%	0,00%
75	Công ty CP Thanh niên Hải Phòng	20,00%	0,00%
76	Công ty TNHH Thương mại Quốc tế	34,85%	0,00%
77	Công ty CP Bến xe Hải Phòng	13,57%	51,00%
78	Công ty CP Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng	14,00%	51,00%

70	Công ty CP Đường bộ Hải Phòng	14,00%	51,00%
80	Công ty CP Công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng	6,52%	51,00%
	UBND tỉnh Hưng Yên - 1 doanh nghiệp		
81	Công ty CP giống cây trồng Hưng Yên	86,94%	0,00%
	UBND tỉnh Khánh Hòa -1 doanh nghiệp		
82	Công ty CP Môi trường đô thị Nha Trang	10,68%	51,00%
	UBND tỉnh Kom Tum - 1 doanh nghiệp		
83	Công ty cổ phần Khai thác và Xây dựng thủy lợi Kom Tum	65,00%	0,00%
	UBND tỉnh Lai Châu -2 doanh nghiệp		
84	Công ty CP môi trường đô thị Lai Châu	29,76%	0,00%
85	Công ty CP thương mại huyện Mường Tè	43,20%	0,00%
	UBND tỉnh Lâm Đồng - 2 doanh nghiệp		
86	Công ty CP Dịch vụ đô thị Đà Lạt	13,73%	51,00%
87	Công ty CP Công trình đô thị Bảo Lộc	10,42%	51,00%
	UBND tỉnh Lạng Sơn - 2 doanh nghiệp		
88	Công ty CP Chợ Lạng Sơn	35,08%	36,00%
89	Công ty CP quản lý và xây dựng giao thông Lạng Sơn	37,33%	36,00%
	UBND tỉnh Lào Cai -1 doanh nghiệp		
90	Công ty CP Môi trường Đô thị Lào Cai	15,00%	36,00%
	UBND tỉnh Nam Định - 3 doanh nghiệp		
91	Công ty CP công trình đô thị Nam Định	14,74%	51,00%
92	Công ty CP môi trường Nam Định	15,04%	51,00%
93	Công ty cổ phần điện tử điện lạnh và dịch vụ tổng hợp Nam Định	33,03%	0,00%
	UBND tỉnh Nghệ An -3 doanh nghiệp		
94	Công ty CP Môi trường và công trình đô thị Nghệ An	45,74%	36,00%
95	Công ty CP Quản lý và Xây dựng giao thông thủy bộ Nghệ An	65,59%	0,00%
96	Công ty CP Quản lý và Xây dựng cầu đường Nghệ An	11,00%	0,00%
	UBND tỉnh Ninh Bình - 2 doanh nghiệp		
97	Công ty CP Môi trường và dịch vụ đô thị thành phố Ninh Bình	66,00%	0,00%
98	Công ty CP Môi trường đô thị Tam Điệp	66,00%	0,00%
	UBND tỉnh Ninh Thuận – 1 doanh nghiệp		
99	Công ty CP Công trình đô thị Ninh Thuận	91,00%	0,00%
	UBND tỉnh Phú Thọ - 2 doanh nghiệp		
100	Công ty CP đầu tư xây dựng và phát triển nhà Phú Thọ	4,19%	0,00%

101	Công ty CP Môi Trường và Đô Thị Việt Trì	93,25%	0,00%
	UBND tỉnh Quảng Nam – 1 doanh nghiệp		
102	Công ty CP Môi trường đô thị Quảng Nam	11,93%	51,00%
	UBND tỉnh Quảng Bình – 1 doanh nghiệp		
103	Công ty CP Du lịch Sài Gòn Quảng Bình	14,00%	0,00%
	UBND tỉnh Quảng Ngãi – 2 doanh nghiệp		
104	Công ty CP Sơn Mỹ Quảng Ngãi	3,74%	0,00%
105	Công ty CP Thanh niên xung phong Quảng Ngãi	52,76%	0,00%
	UBND tỉnh Quảng Ninh - 3 doanh nghiệp		
106	Công ty CP Môi trường đô thị Hạ Long	86,06%	0,00%
107	Công ty CP Quản lý đường thủy Quảng Ninh	89,62%	0,00%
108	Công ty CP Cầu, phà Quảng Ninh	87,28%	0,00%
	UBND tỉnh Quảng Trị - 2 doanh nghiệp		
109	Công ty CP Tổng công ty Thương mại Quảng Trị	57,33%	0,00%
	UBND tỉnh Sơn La - 1 doanh nghiệp		
110	Công ty CP Môi trường và Đô thị Sơn La	62,64%	36,00%
	UBND tỉnh Tây Ninh - 1 doanh nghiệp-		
111	Công ty CP Đăng kiểm Tây Ninh	22,74%	0,00%
	UBND tỉnh Thái Nguyên -2 doanh nghiệp		
112	Công ty CP Vật tư nông nghiệp Thái Nguyên	37,47%	0,00%
113	Công ty CP Quản lý và Xây dựng giao thông Thái Nguyên	20,20%	0,00%
	UBND tỉnh Thanh Hóa - 1 doanh nghiệp		
114	Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hoá	52,45%	0,00%
	UBND tỉnh Tuyên Quang -1 doanh nghiệp		
115	Công ty CP chế biến lâm sản Tuyên Quang	50,50%	0,00%
	UBND tỉnh Vĩnh Long - 1 doanh nghiệp		
116	Công ty CP công trình công cộng Vĩnh Long	44,39%	36,00%
	UBND tỉnh Vĩnh Phúc – 2 doanh nghiệp		
117	Công ty CP môi trường và công trình đô thị Phúc Yên	85,46%	0,00%
118	Công ty CP môi trường và dịch vụ đô thị Vĩnh Yên	35,00%	0,00%
	UBND tỉnh Yên Bái - 2 doanh nghiệp		
119	Công ty CP xây dựng đường bộ I Yên Bái	30,00%	0,00%
120	Công ty CP xây dựng đường bộ II Yên Bái	30,18%	0,00%
II	Doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu thoái vốn trước ngày 30/11/2020; không hoàn thành thoái vốn thì hoàn thành chuyển giao về SCIC trước 31/12/2020 (4 doanh nghiệp)		
1	Tổng công ty CP Sông Hồng (Bộ Xây dựng)	49,04%	0,00%

2	Tổng công ty Xây dựng Hà Nội - Công ty CP (Bộ Xây dựng)	98,80%	0,00%
3	Tổng công ty Xây dựng số 1 - Công ty CP (Bộ Xây dựng)	40,53%	0,00%
4	Tổng công ty Đầu tư Phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) (Bộ Xây dựng)	36,00%	0,00%
III	Doanh nghiệp chuyên giao về SCIC để thực hiện thoái vốn, hoàn thành chuyển giao trước 31/8/2020 (14 doanh nghiệp)		
1	Tổng công ty CP xây dựng công nghiệp Việt Nam (Bộ Công Thương)	82,75%	0,00%
2	Công ty CP Xây dựng và NK Tổng hợp (Bộ Công Thương)	60,17%	0,00%
3	Công ty CP Nông thổ sản Việt Nam (Bộ Công Thương)	23,00%	0,00%
4	Tổng công ty Rượu - Bia - Nước giải khát Sài Gòn (Bộ Công Thương)	36,00%	0,00%
5	Công ty CP Cung ứng nhân lực quốc tế và thương mại (Bộ Lao động Thương binh và Xã hội)	98,31%	0,00%
6	Công ty CP Nhân lực quốc tế Sovilaco (Bộ Lao động Thương binh và Xã hội)	98,16%	0,00%
7	Công ty CP Phim Giải Phóng (Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du lịch)	99,71%	0,00%
8	Công ty CP Du lịch và Xúc tiến đầu tư (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	10,01%	0,00%
9	Công ty CP XNK Vật tư thiết bị ngành In (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	32,47%	0,00%
10	Tổng công ty Cơ khí xây dựng - Công ty CP (Bộ Xây dựng)	98,76%	0,00%
11	Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - Công ty CP (Bộ Xây dựng)	87,32%	0,00%
12	Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 - Công ty CP (Bộ Xây dựng)	40,08%	0,00%
13	Tổng công ty Sông Đà - CTCP (Bộ Xây dựng)	99,79%	0,00%
14	Tổng công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - Công ty CP (Bộ Xây dựng)	98,16%	0,00%



Phụ lục II

**DANH MỤC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN SẮP XẾP,
THOẠI VỐN THEO PHƯƠNG ÁN CỤ THỂ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020)

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn Nhà nước đang nắm giữ tại DN (%/vốn điều lệ)
1	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp)	75,86%
2	Tổng công ty Hàng không Việt Nam - Công ty CP (Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp)	86,16%
3	Tổng công ty Máy động lực và máy Nông nghiệp Việt Nam (Bộ Công Thương)	88,47%
4	Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - Công ty CP (Bộ Công Thương)	99,54%
5	Công ty CP Đầu tư xây lắp và vật liệu xây dựng (Bộ Công Thương)	18,43%
6	Tổng công ty Viglacera - Công ty CP (Bộ Xây dựng)	38,58%
7	Tổng công ty Xây dựng đường thủy - Công ty CP (Bộ Giao thông Vận tải)	36,62%
8	Công ty CP XNK ngành In (Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch)	30,00%
9	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phim truyện VN (Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch)	28,85%
10	Công ty Cổ phần Thể dục Thể thao Việt Nam (Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch)	51,32%
11	Công ty cổ phần Trung tâm Hội chợ triển lãm Việt Nam (Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch)	10,00%
12	Công ty cổ phần Khách sạn du lịch Thăng Lợi (Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch)	19,42%
13	Công ty CP Dịch vụ đô thị và công cộng Xuyên Mộc (UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)	32,00%
14	Công ty CP Dịch vụ du lịch quốc tế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)	27,00%
15	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Côn Sơn (UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)	40,00%
16	Công ty TNHH Tư vấn thẩm định giá (UBND Thành phố Hải Phòng)	90,47%
17	Công ty CP Cung ứng tàu biển Hải Phòng (UBND Thành phố Hải Phòng)	38,57%
18	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Phú Yên (UBND tỉnh Phú Yên)	91,29%

Phụ lục III
DANH MỤC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC DỪNG THỰC HIỆN
THOÁI VỐN ĐẾN HẾT NĂM 2020 ĐỂ RÀ SOÁT, XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN
SÁP XẾP, THOÁI VỐN TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020)

I	Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp nước chưa thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020 (54 doanh nghiệp)	Tỷ lệ vốn Nhà nước đang nắm giữ tại DN (%/vốn điều lệ)
1	Công ty CP Điện nước An Giang (UBND tỉnh An Giang)	87,72%
2	Công ty CP Cấp nước Bà Rịa-Vũng Tàu (UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)	36,00%
3	Cty CP Nước sạch Bắc Giang (UBND tỉnh Bắc Ninh)	51,00%
4	Công ty CP cấp thoát nước Bắc Kạn (UBND tỉnh Bắc Kạn)	36,00%
5	Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre (UBND tỉnh Bến Tre)	64,00%
6	Công ty CP Cấp thoát nước Bình Định (UBND tỉnh Bình Định)	51,00%
7	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận (UBND tỉnh Bình Thuận)	36,00%
8	Công ty CP Cấp nước Cà Mau (UBND tỉnh Cà Mau)	71,49%
9	Công ty CP Cấp nước Cần Thơ 2 (UBND Thành phố Cần Thơ)	49,00%
10	Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ (UBND Thành phố Cần Thơ)	64,00%
11	Công ty CP Cấp nước Đà Nẵng (UBND Thành phố Đà Nẵng)	60,08%
12	Công ty CP Cấp nước Điện Biên (UBND tỉnh Điện Biên)	99,41%
13	Công ty CP Cấp nước và môi trường đô thị Đồng Tháp (UBND tỉnh Đồng Tháp)	85,06%
14	Cty CP cấp thoát nước (UBND tỉnh Hà Giang)	36,00%
15	Công ty CP Cấp nước Sơn Tây (UBND Thành phố Hà Nội)	95,59%
16	Công ty CP Cấp nước Hà Tĩnh (UBND tỉnh Hà Tĩnh)	95,76%
17	Công ty CP Kinh doanh nước sạch Hải Dương (UBND tỉnh Hải Dương)	65,00%
18	Công ty CP Cấp nước Hải Phòng (UBND Thành phố Hải Phòng)	80,58%
19	Công ty CP cấp thoát nước - công trình đô thị Hậu Giang (UBND tỉnh Hậu Giang)	46,33%
20	Công ty CP Nước sạch Hòa Bình (UBND tỉnh Hòa Bình)	40,00%
21	Công ty CP Cấp thoát nước Khánh Hoà (UBND tỉnh Khánh Hoà)	51,00%
22	Cty CP nước sạch Lai Châu (UBND tỉnh Lai Châu)	97,91%

23	Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc (UBND tỉnh Lâm Đồng)	92,30%
24	Công ty CP cấp thoát nước Lạng Sơn (UBND tỉnh Lạng Sơn)	51,00%
25	Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai (UBND tỉnh Lào Cai)	91,84%
26	Công ty CP Cấp thoát nước Long An (UBND tỉnh Long An)	60,00%
27	Công ty CP Cấp thoát nước và DV Đô thị Bến Lức (UBND tỉnh Long An)	87,15%
28	Công ty CP Cấp thoát nước và DV Đô thị Vĩnh Hưng (UBND tỉnh Long An)	90,82%
29	Công ty CP Cấp thoát nước và môi trường Kiến Tường (UBND tỉnh Long An)	88,22%
30	Công ty cổ phần cấp nước Nam Định (UBND tỉnh Nam Định)	49,50%
31	Công ty CP Cấp nước Diễn Châu (UBND tỉnh Nghệ An)	92,17%
32	Công ty CP Cấp nước Quỳnh Lưu (UBND tỉnh Nghệ An)	87,52%
33	Công ty CP Cấp nước Thái Hoà (UBND tỉnh Nghệ An)	98,21%
34	Công ty CP Cấp nước Nghệ An (UBND tỉnh Nghệ An)	38,05%
35	Công ty CP nước sạch và vệ sinh nông thôn tỉnh Ninh Bình (UBND tỉnh Ninh Bình)	92,88%
36	Công ty CP Cấp nước Ninh Thuận (UBND tỉnh Ninh Thuận)	52,06%
37	Công ty CP Cấp thoát nước Phú Yên (UBND tỉnh Phú Yên)	38,39%
38	Công ty CP Cấp nước Quảng Bình (UBND tỉnh Quảng Bình)	51,00%
39	Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi (UBND tỉnh Quảng Ngãi)	23,35%
40	Công ty CP Nước sạch Quảng Ninh (UBND tỉnh Quảng Ninh)	96,16%
41	Công ty CP Nước sạch Quảng Trị (UBND tỉnh Quảng Trị)	51,00%
42	Cty CP cấp nước Sơn La (UBND tỉnh Sơn La)	20,00%
43	Công ty CP Cấp thoát nước Tây Ninh (UBND tỉnh Tây Ninh)	35,00%
44	Công ty CP Kinh doanh nước sạch Thái Bình (UBND tỉnh Thái Bình)	70,00%
45	Công ty CP Nước sạch Thái Nguyên (UBND tỉnh Thái Nguyên)	42,27%
46	Công ty CP Cấp nước Thanh Hoá (UBND tỉnh Thanh Hoá)	63,62%
47	Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	70,01%
48	Công ty CP Cấp thoát nước Tuyên Quang	68,00%
49	Công ty CP Cấp nước Vĩnh Long (UBND tỉnh Vĩnh Long)	51,00%
50	Công ty CP nước sạch Vĩnh Phúc (UBND tỉnh Vĩnh Phúc)	96,59%
51	Công ty CP cấp thoát nước số 1 Vĩnh Phúc (UBND tỉnh Vĩnh Phúc)	96,75%

52	Công ty CP cấp nước Yên Bái (UBND tỉnh Yên Bái)	96,98%
53	Công ty CP Cấp nước Gia Lai (Tổng công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước)	46,78%
54	Công ty CP cấp nước Bạc Liêu (Tổng công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước)	98,65%
II	Doanh nghiệp hoạt động trong một số ngành, lĩnh vực khác (15 doanh nghiệp)	
1	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – Công ty CP (Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp)	95,40%
2	Tổng công ty Phát triển phát thanh truyền hình (Đài Phát thanh Việt Nam)	25,00%
3	Công ty TNHH Truyền hình Cáp Saigontourist (SCTV) (Đài Truyền hình Việt Nam)	50,00%
4	Công ty CP thuốc lá và thực phẩm (UBND tỉnh Bắc Giang)	45,02%
5	Công ty CP Khoáng sản Bình Định (UBND tỉnh Bình Định)	25,00%
6	Công ty CP Đô thị Tân An (UBND tỉnh Long An)	60,00%
7	Công ty CP Công trình đô thị Cần Đước (UBND tỉnh Long An)	60,07%
8	Công ty CP Đô thị Thạnh Hóa (UBND tỉnh Long An)	47,29%
9	Công ty CP xử lý chất thải Phú Thọ (UBND tỉnh Phú Thọ)	93,60%
10	Công ty CP Quản lý và Bảo trì đường thủy nội địa Quảng Bình (UBND tỉnh Quảng Bình)	75,00%
11	Công ty CP Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình (UBND tỉnh Quảng Bình)	81,49%
12	Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Thái Bình (UBND tỉnh Quảng Bình)	59,59%
13	Công ty CP Môi trường và đô thị Đông Hà (UBND tỉnh Quảng Trị)	55,36%
14	Công ty CP Công trình đô thị Gò Công (UBND tỉnh Tiền Giang)	51,00%
15	Công ty CP quản lý và sửa chữa đường bộ Vĩnh Phúc (UBND tỉnh Vĩnh Phúc)	75,48%